

Đà Lạt, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Số: 289/2020/QĐST -HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Việt U, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 15, đường T, Phường H, thành phố Đà Lạt.

Bị đơn: Anh Hồ Sỹ A, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 6/11, đường Khe Sanh, Phường 10, thành phố Đà Lạt.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Việt U và anh Hồ Sỹ A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Việt U và anh Hồ Sỹ A thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị U và anh A xác định vợ chồng có 02 con chung là Hồ Ngọc Minh C, sinh ngày 28/7/2007 và Hồ Ngọc Minh D, sinh ngày 18/11/2011; ly hôn chị Uyên và anh A thỏa thuận giao con chung Hồ Ngọc Minh C cho chị

Nguyễn Thị Việt U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên và giao con chung Hồ Ngọc Minh D cho anh Hồ Sỹ A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị U thỏa thuận chịu án 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017419 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Hoàn trả cho chị U 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường H, thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lan

